

Bản tin chứng khoán

Trong số này

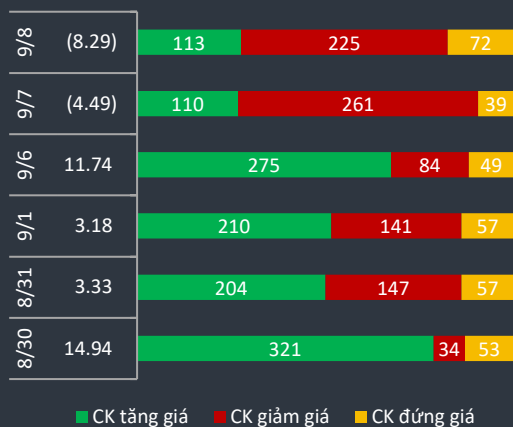
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

FUEVFVND	70.85
VCB	50.45
HDB	38.94
DXG	24.78
LPB	22.33
HSG	19.88
CTG	19.21
STB	(16.58)
PLX	(16.76)
VPB	(18.82)
MSN	(69.90)
SSI	(81.02)
VNM	(85.60)
VIC	(144.85)
VH	(251.45)

Thị trường giằng co trong hầu hết thời gian giao dịch nhưng bất ngờ rung lắc mạnh vào cuối phiên. Từ trạng thái đi ngang chỉ số Vnindex đột ngột rơi mạnh và mất hơn 8 điểm. Giao dịch chung của thị trường hôm nay khá yếu và thanh khoản cũng giảm mạnh chỉ còn 19,580 tỷ tại sàn HOSE. Cuối phiên số mã giảm cũng chiếm đến gấp đôi so với mã tăng tương tự như hôm trước.

Nhóm VN30 chỉ có 7 cổ phiếu tăng điểm và chỉ duy nhất SSI tăng trần do ngày giao dịch không hưởng quyền. Nhiều blue chip giảm hơn -2% ở nhóm VN30 như VPB, STB, PLX, VIC, BVH, TCB.

Nhóm ngân hàng cũng hầu hết mất điểm và chỉ có 4 mã giữ xanh NVB, LPB, HDB, VIB. Dù sao nhóm ngân hàng cũng không giảm quá sâu và những mã rơi mạnh nhất cũng dưới -2%.

Một số nhóm ngành giữ xanh nhẹ trong ngày là bao bì, thép, y tế. Dù không tăng mạnh nhưng HPG, HSG, TLH, NKG, SMC vẫn xanh nhẹ trên 1%. Nhóm chứng khoán chỉ duy nhất SSI và VIX tăng trần còn lại hầu hết đều điều chỉnh từ 1% - 3%. Một công ty chứng khoán là VNDirect vừa điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận tăng 82% lên 1.600 tỷ đồng. Theo kế hoạch mới VND điều chỉnh kế hoạch doanh thu hoạt động năm 2021 lên 3.951 tỷ đồng, tăng 55% so với kế hoạch ban đầu. Trong đó, dịch vụ chứng khoán tăng 95% lên 2.108 tỷ đồng; dịch vụ đầu tư tài chính tăng 16% lên 302 tỷ đồng; dịch vụ ngân hàng đầu tư tăng 131% lên 164 tỷ đồng; kinh doanh vốn tăng 11% lên 1.258 tỷ đồng; đầu tư vốn chủ sở hữu tăng 644% lên 119 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế tăng 82% lên 1.600 tỷ đồng.

Trong 7 tháng đầu năm, VND đạt doanh thu hoạt động 2.209 tỷ đồng. Trong đó, dịch vụ chứng khoán đạt 1.153 tỷ đồng; dịch vụ đầu tư tài chính đạt 153 tỷ đồng; dịch vụ ngân hàng đầu tư đạt 80 tỷ đồng; kinh doanh vốn đạt 714 tỷ đồng và đầu tư vốn chủ sở hữu đạt 119 tỷ đồng. Kết quả, Công ty báo lãi 1.056 tỷ đồng, vượt 20% so với kế hoạch lợi nhuận ban đầu và hoàn thành 66% kế hoạch mới đề ra.

Vnindex 1,333.61

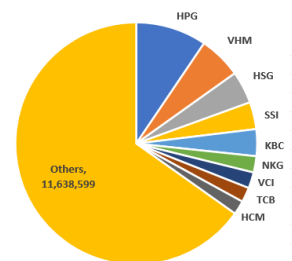
▼ -8.29 (-0.62%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
SSI	44.3	2,850	6.88
BCM	48.7	700	1.46
PDR	84.2	1,200	1.45
HVN	22.4	300	1.36
HPG	51.3	600	1.18
MWG	111.4	1,100	1.00
SAB	149.9	1,200	0.81
REE	64.3	300	0.47
GVR	39.0	150	0.39
HDB	26.8	50	0.19
VIB	36.6	50	0.14
PNJ	86.2	-	-
VJC	124.6	-	-
BID	39.6	(100)	(0.25)
VCB	99.7	(300)	(0.30)
VRE	27.1	(100)	(0.37)
FPT	93.1	(400)	(0.43)
NVL	104.0	(800)	(0.76)
TPB	36.1	(300)	(0.82)
GAS	87.8	(900)	(1.01)
VNM	85.4	(900)	(1.04)
MBB	28.3	(300)	(1.05)
DHG	102.5	(1,100)	(1.06)
ACB	32.2	(350)	(1.08)
POW	11.9	(150)	(1.24)
MSN	128.0	(1,800)	(1.39)
CTG	32.2	(500)	(1.53)
VHM	107.9	(1,700)	(1.55)
TCB	48.8	(850)	(1.71)
BVH	54.2	(1,100)	(1.99)
VIC	92.0	(1,900)	(2.02)
STB	27.3	(600)	(2.15)
PLX	49.3	(1,100)	(2.18)
VPB	62.0	(1,500)	(2.36)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Chỉ số Vnindex đã có phiên điều chỉnh thứ 2 liên tiếp mà mất hơn 12 điểm trở về gần ngưỡng 1330. Các tín hiệu kỹ thuật chỉ báo thị trường đang di chuyển đi ngang và xu hướng điều chỉnh giảm dần với các đỉnh thấp dần kể từ mốc 1420. Thông tin một số khu vực được nói lỏng giãn cách và mở đường cho nhiều doanh nghiệp hoạt động trở lại là thông tin tích cực nhất cho đến lúc này dù tình hình dịch bệnh chưa có dấu hiệu kiểm soát thành công.

Nhà đầu tư vẫn duy trì chiến lược tích lũy ở những nhịp điều chỉnh sâu và chốt lãi ngắn hạn khi đạt mục tiêu. Nếu các nhịp giảm thêm 5 – 10 điểm trong các phiên tới là điểm phù hợp để nhà đầu tư tích lũy trở lại. Các nhóm ngành chứng khoán, thép, bán lẻ, khu công nghiệp, phân bón như HPG, HSG, NKG, TLH, VCI, SSI, VND, TVS, DGW, GVR, KBC, SZC, DPM, DCM ưu tiên nắm giữ trong giai đoạn hiện tại.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
REE	64.3	(1.1)	50	65	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 54	7/12/2021	26.1%
GVR	39.0	3.7	28	38	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 38	7/12/2021	32.7%
HCM	55.2	(0.5)	44	60	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 60	7/12/2021	22.7%
VCI	63.2	3.8	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 55-57	7/12/2021	29.0%
SSI	44.3	3.5	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	34.2%
MBB	28.3	(0.4)	25	35	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 28	7/12/2021	-2.4%
OCB	23.0	0.2	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	0.0%
HPG	51.3	5.3	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 45	7/12/2021	14.0%
STB	27.3	(2.2)	27	35	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 27	7/12/2021	-2.5%
KBC	43.6	8.6	32	45	Mua quanh 35-37	8/28/2021	11.8%
DGW	93.0	9.0	120	170	Nắm giữ	3/3/2021	86.0%
MWG	111.4	0.7	130	190	Nắm giữ	2/3/2021	31.1%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

MCG	4.89
SFI	5.16
MSH	5.26
DMC	5.98
TDC	6.67
RDP	6.75
SJF	6.84
HVX	6.84
SGT	6.86
SSI	6.88
VPH	6.89
TGG	6.89
VNL	6.92
JVC	6.93
TDG	6.95
TCO	6.99

Top tăng giá HNX

VIX	6.85
L43	6.98
SPI	7.25
SD2	7.94
VKC	9.26
TFC	9.33
GKM	9.50
PGT	9.57
VSM	9.60
KVC	9.62
NAG	9.72
NVB	9.81
VE4	9.92
CAG	10.00
KHB	13.51

SSI - CTCP Chứng khoán SSI - Sau 8 tháng đầu năm, công ty mẹ đã đạt 1.872 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế - cao hơn kế hoạch hợp nhất 1.870 tỷ mà ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua. Đây là công ty đầu tiên trong nhóm những công ty đặt kế hoạch lợi nhuận nghìn tỷ đã hoàn thành kế hoạch.

VND - CTCP Chứng khoán VNDirect - Điều chỉnh kế hoạch doanh thu hoạt động năm 2021 lên 3.951 tỷ đồng, tăng 55% so với kế hoạch ban đầu. Lợi nhuận trước và sau thuế tăng 82% lên lần lượt 2.000 tỷ đồng và 1.600 tỷ đồng.

AAS - CTCP Chứng khoán SmartInvest - Dự kiến điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận trước thuế lên mức 200 tỷ đồng, gấp 42 lần chỉ tiêu đã được thông qua trước đó. Một nội dung quan trọng khác cũng được trình cổ đông thông qua là phương án chi trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 30% bằng cổ phiếu hoặc tiền mặt.

PLX - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Thông báo, chỉ bán được hơn 1,77 triệu cổ phiếu trong số 8 triệu cổ phiếu quỹ đăng ký bán từ ngày 06/8 đến 03/9 theo phương thức khớp lệnh, với giá bán bình quân 53.740 đồng/cổ phiếu.

VPG - CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Pháp - Ngày 20/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng 21/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 28/9/2021.

FCN - CTCP Fecon - Đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ 1,02 triệu cổ phần sở hữu tại CTCP Nông nghiệp Hữu cơ Đông Khê cho CTCP Đầu tư Fecon, với giá 10.000 đồng/cổ phần.

CTI - CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận Idico - Ngày 17/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 20/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 30/9/2021.

PVI - CTCP PVI - Đã thông qua phương án bán hơn 10,72 triệu cổ phiếu quỹ để bổ sung vốn kinh doanh. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý III - IV/2021.

NAG - CTCP Tập đoàn Nagakawa - Ngày 21/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng 22/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 5%.

CTB - CTCP Chế tạo Bơm Hải Dương - Ngày 08/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 09/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 15/10/2021.

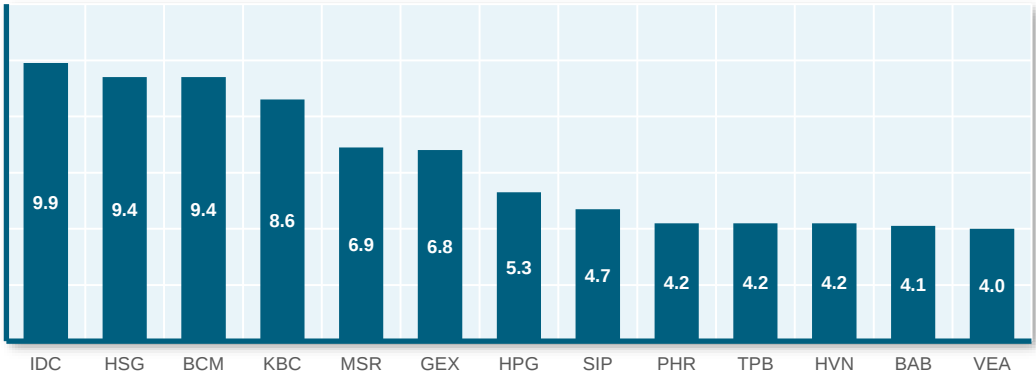


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	62.0	5,217,900	12.3	2.5	-	300,000	153,124	15.00	5,056	24,447
VIB	HOSE	36.6	1,361,300	6.5	2.7	5,300	3,800	56,767	21.00	5,638	13,552
VCB	UPCOM	99.7	863,000	18.0	3.5	770,100	264,100	369,775	23.59	5,532	28,293
VBB	HNX	17.1	23,166	20.6	1.5	-	-	8,168	-	830	11,579
VAB	HOSE	17.3	228,120	14.5	1.3	-	-	7,698	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	36.1	6,472,700	7.9	1.9	-	-	38,687	30.00	4,565	18,925
TCB	HOSE	48.8	7,150,900	10.6	2.0	-	-	171,039	23.00	4,614	23,938
STB	UPCOM	27.3	9,670,400	14.2	1.6	6,000	608,700	51,466	16.12	1,922	16,846
SSB	HOSE	35.6	3,643,400	20.7	2.9	-	-	47,793	0.01	1,723	12,310
SHB	HOSE	26.5	14,893,293	12.1	1.9	3,300	300	51,027	3.97	2,183	14,014
SGB	HNX	17.4	21,305	-	1.4	-	-	5,359	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	22.9	217,613	31.0	1.7	-	20,600	6,870	15.00	739	13,529
OCB	HNX	23.0	1,091,300	6.1	1.3	600	33,000	31,439	22.00	3,799	17,827
NVB	HOSE	34.7	432,943	169.3	3.2	2,200	-	14,116	8.60	205	10,726
NAB	HOSE	20.1	129,241	6.0	1.2	-	-	9,175	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	28.9	4,650,100	8.8	1.6	-	-	33,899	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.3	9,354,500	7.3	1.4	1,462,500	1,126,200	106,927	23.39	3,897	19,986
LPB	HOSE	23.3	4,878,800	9.0	1.6	1,013,200	43,600	28,044	3.53	2,591	14,466
KLB	HOSE	21.8	49,520	10.7	1.5	-	-	6,974	-	2,035	14,117
HDB	HOSE	26.8	2,319,700	7.0	1.5	1,773,700	321,600	53,292	18.85	3,854	17,399
EIB	HOSE	25.5	162,800	29.2	1.8	-	11,700	31,351	29.73	874	14,061
CTG	HOSE	32.2	8,356,000	7.3	1.3	969,900	380,200	154,505	24.56	4,394	25,028
BVB	HOSE	19.9	1,562,806	17.2	1.6	-	-	7,305	0.05	1,157	12,737
BID	HOSE	39.6	1,420,900	15.8	1.9	206,800	618,900	159,272	16.66	2,512	21,036
BAB	HOSE	23.0	68,313	24.2	1.9	-	300	16,296	-	950	12,242
ACB	HOSE	32.2	4,752,900	7.0	2.2	-	-	86,868	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	20.9	1,270,371	7.5	1.3	-	-	11,940	30.00	2,801	16,671
			90,263,291	19.25	1.86	6,213,600	3,733,000	1,719,175		2,766	16,602



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	44,300	14,770,614	28,979,960	2,647.4	16.7	2.50	17,724
VCI	UPCOM	63,200	5,243,925	21,045,600	3,445.7	18.3	2.13	29,655
HCM	HNX	55,200	6,188,880	16,838,310	3,099.8	17.8	3.54	15,612
VND	UPCOM	52,500	9,453,465	22,524,024	6,320.1	8.3	2.51	20,939
SHS	UPCOM	40,100	7,124,967	8,311,455	5,431.3	7.4	2.23	17,951
MBS	UPCOM	36,300	3,346,726	9,713,914	1,470.3	24.7	2.76	13,147
FTS	HOSE	54,800	717,270	8,086,592	3,583.0	15.3	3.09	17,751
VIX	HNX	19,500	4,288,398	2,490,520	5,549.5	3.5	1.20	16,190
AGR	HOSE	17,200	3,311,146	3,622,079	1,000.6	17.2	1.76	9,775
BSI	UPCOM	28,100	1,612,537	3,416,136	2,231.6	12.6	2.21	12,711
ORS	HNX	26,400	1,615,279	5,280,000	1,944.6	13.6	2.50	10,574
VDS	HOSE	32,100	1,097,155	3,373,860	3,856.6	8.3	2.49	12,884
CTS	HOSE	30,500	1,869,939	3,245,188	2,676.3	11.4	2.20	13,885
TVS	HOSE	37,000	133,921	3,629,790	5,036.9	7.3	2.49	14,852
BVS	UPCOM	34,100	1,040,994	2,462,025	3,242.7	10.5	1.27	26,909
EVS	HOSE	36,000	349,623	2,268,014	3,859.6	9.3	2.54	14,167
SBS	HOSE	16,000	4,013,961	2,026,560	79.4	201.6	9.74	1,643
PHS	HOSE	17,200	1,510	2,407,992	979.4	17.6	1.52	11,291
TVB	HOSE	24,600	1,349,870	2,625,200	2,793.8	8.8	2.11	11,645
ART	HNX	9,600	4,008,376	930,456	31.6	303.7	0.84	11,459
TCI	UPCOM	20,400	361,803	1,009,800	2,671.6	7.6	1.67	12,235
IVS	UPCOM	11,100	119,756	769,785	411.7	27.0	1.13	9,862
BMS	UPCOM	22,600	285,969	1,288,200	4,097.6	5.5	1.74	12,977
APS	HOSE	16,200	2,090,193	631,800	2,387.2	6.8	1.46	11,126
PSI	UPCOM	11,200	288,827	670,223	300.3	37.3	1.06	10,519
AAS	HOSE	16,900	1,873,241	1,352,000	(398.6)		1.50	11,276
WSS	HNX	10,900	244,467	548,270	885.5		1.11	9,859



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CRC	HOSE	27/09/2021	28/09/2021	18/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	CRC	HOSE	27/09/2021	28/09/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
3	DIH	HNX	17/09/2021	20/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SZC	HOSE	17/09/2021	20/09/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	HDW	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 740 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	HTC	HNX	13/09/2021	14/09/2021	1/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	VIH	UPCoM	9/9/2021	10/9/2021	29/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	TBC	HOSE	9/9/2021	10/9/2021	24/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SSI	HOSE	8/9/2021	9/9/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 6:2	Thưởng cổ phiếu
10	SSI	HOSE	8/9/2021	9/9/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 6:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
11	GKM	HNX	8/9/2021	9/9/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
12	TDB	UPCoM	8/9/2021	9/9/2021	30/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	VNM	HOSE	7/9/2021	8/9/2021	30/09/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VIX	HOSE	7/9/2021	8/9/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	VIX	HOSE	7/9/2021	8/9/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
16	DNC	HNX	7/9/2021	8/9/2021	8/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	SRF	HOSE	6/9/2021	7/9/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	HPX	HOSE	6/9/2021	7/9/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
19	BDW	UPCoM	1/9/2021	6/9/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	GH3	UPCoM	1/9/2021	6/9/2021	8/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	AAA	HOSE	1/9/2021	6/9/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Thưởng cổ phiếu
22	AAA	HOSE	1/9/2021	6/9/2021	28/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	PGD	HOSE	1/9/2021	6/9/2021	4/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	ACC	HOSE	1/9/2021	6/9/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	C47	HOSE	1/9/2021	6/9/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
26	C47	HOSE	1/9/2021	6/9/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Thưởng cổ phiếu
27	GMC	HOSE	31/08/2021	1/9/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	PSN	UPCoM	31/08/2021	1/9/2021	29/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931